TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 tháng 9 năm 2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thanh Tuấn;

2. Ông Lê Hữu Trọng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Trung Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLST–KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;
Đại chỉ trụ sở: Số A1 đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội
Địa chỉ liên lạc: Số A2 đường C2, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu H. D hoặc ông Lê V. Đ1 (Văn bản ủy quyền số 2543/2025/UQN-TP ngày 05/7/2025) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại C (vắng mặt);
Địa chỉ: AA đường V1, phường C1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: A3 đường M, phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2024, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là NGÂN HÀNG V) trình bày:

Công ty TNHH Thương mại C (sau đây gọi tắt là Công ty C) đã vay vốn tại NGÂN HÀNG V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22948 ngày 07/9/2022; hạn mức cho

vay là 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng); thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh cho hoạt động bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa phân vào đâu.

NGÂN HÀNG V đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/21610 ngày 23/12/2021 theo các Khế ước nhận nợ sau:

- Ngày 28/4/2023, thông qua Khế ước nhận nợ số 280423-8866775-ONL-5 ký ngày 28/4/2023, NGÂN HÀNG V đã giải ngân cho Công ty C số tiền 144.171.576 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng), thời hạn cho vay là 5 (năm) tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 19,1%/năm (lãi suất cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định của NGÂN HÀNG V từng thời kỳ).

- Ngày 29/5/2023, thông qua Khế ước nhận nợ số 290523-8866775-ONL-6 ký ngày 29/5/2023, NGÂN HÀNG V đã giải ngân cho Công ty C số tiền 89.828.000 đồng (Tám mươi chín triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), thời hạn cho vay là 4 (bốn) tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, lãi suất cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ).

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị L1 qua Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 với nội dung bà Nguyễn Thị L1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty C trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa NGÂN HÀNG V và Công ty C.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù NGÂN HÀNG V nhiều lần làm việc với đại diện Công ty và các bên bảo lãnh để yêu cầu thanh toán. Do đó, NGÂN HÀNG V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty C phải trả ngay một lần cho NGÂN HÀNG V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 15/8/2024 là: 127.085.231 đồng, gồm: Nợ gốc: 95.798.567 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.619.900 đồng, nợ lãi quá hạn: 28.421.282 đồng, nợ lãi chậm trả: 245.481 đồng.

- Ngoài ra Công ty C vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NGÂN HÀNG V.

- Trường hợp Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 đã ký.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số nợ hiện nay bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho NGÂN HÀNG V tính đến ngày 30/9/2025 là 156.441.763 đồng, trong đó nợ gốc là 95.798.567 đồng, nợ lãi trong

hạn là 2.150.478 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.029.395 đồng và nợ lãi chậm trả là 463.323 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty C thanh toán làm một lần cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 156.441.763 đồng, (trong đó nợ gốc là 95.798.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.150.478 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.029.395 đồng và nợ lãi chậm trả là 463.323 đồng). Ngoài ra Công ty C vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NGÂN HÀNG V. Trường hợp Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 đã ký. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Thương mại C trả tiền nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22948 ngày 07/9/2022. Công ty TNHH Thương mại C có trụ sở tại AA đường V1, phường Y, Quận Z Thành phố Hồ Chí Minh (nay là AA đường V1, phường C1, Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại Quận Z. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025 và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho Công ty C, bà Nguyễn Thị L1 các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã ký kết với Công ty TNHH Thương mại C Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022, thông qua Khế ước nhận nợ số 280423-8866775-ONL-5 và Khế ước nhận nợ số 290523-8866775-ONL-6, NGÂN HÀNG V đã giải ngân cho Công ty C số tiền 144.171.576 đồng và số tiền 89.828.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.2] Khoản 3 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022 quy định về việc nguyên đơn được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của khách hàng trong trường hợp sau: "*đến thời hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa các bên trong Điều kiện giao dịch chung, Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được bên Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ*". Tại Khế ước nhận nợ số 280423-8866775-ONL-5 ngày 28/4/2023 và Khế ước nhận nợ số 290523-8866775-ONL-6 ngày 29/5/2023 thì thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc là một lần vào ngày 08/9/2023; căn cứ Bảng kê tính lãi do nguyên đơn nộp thì ngày 08/9/2023, các khoản nợ được chuyển sang nợ quá hạn.

[3.3] Về lãi suất trong hạn: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, NGÂN HÀNG V xác định lãi suất cho vay trong hạn tại Khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022: Được bên Ngân hàng Và khách hàng thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách và và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/ hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa khách hàng và bên ngân hàng. Tại Khế ước nhận nợ số 280423-8866775-ONL-5 ngày 28/4/2023 và Khế ước nhận nợ số 290523-8866775-ONL-6 ngày 29/5/2023 ghi nhận "mức lãi suất cho vay điều chỉnh" là 10,30%/năm.

- Về lãi suất quá hạn: Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 4 Điều 13

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, NGÂN HÀNG V xác định lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) tại Khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022: "bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".

- Về lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, NGÂN HÀNG V xác định lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) tại Khoản 2.4 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022: "bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính đến số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả".

Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản đã thanh toán; về nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu được xem là bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của NGÂN HÀNG V đối với số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả mà NGÂN HÀNG V yêu cầu bị đơn phải trả.

[3.4] Đối với Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L1 và NGÂN HÀNG V, nội dung ghi nhận bà Nguyễn Thị L1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty C trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa NGÂN HÀNG V và Công ty C. Đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty C thanh toán làm một lần cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 156.441.763 đồng, (trong đó nợ gốc là 95.798.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.150.478 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.029.395 đồng và nợ lãi chậm trả là 463.323 đồng).

Ngoài ra Công ty C vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NGÂN HÀNG V.

Trường hợp Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 đã ký.

Do từ ngày 08/9/2023, bị đơn đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho NGÂN HÀNG V, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của NGÂN HÀNG V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của NGÂN HÀNG V, cần buộc bị đơn thanh toán các khoản nợ làm một lần cho NGÂN HÀNG V ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là NGÂN HÀNG V được chấp nhận nên bị đơn là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là NGÂN HÀNG V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;

1.1 Buộc Công ty TNHH Thương mại C phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền: nợ gốc là 95.798.567 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.150.478 đồng; nợ lãi quá hạn là 58.029.395 đồng; nợ lãi chậm trả là 463.323 đồng. Tổng cộng là 156.441.763 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22948 ngày 07/9/2022 (thông qua Khế ước nhận nợ số 280423-8866775-ONL-5 ngày 28/4/2023 và Khế ước nhận nợ số 290523-8866775-ONL-6 ngày 29/5/2023).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22948/HDBL ngày 07/9/2022 đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Thương mại C chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.822.088 đồng (Bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, không trăm tám mươi tám đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 3.177.131 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng) theo Biên lai thu số 0061068 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV3, Tp.HCM;
- Cơ quan THADS,Tp.HCM.
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi